

# CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA V.I.LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. Vũ Trọng Dung\*

Khoa Quản lý Kinh tế và Xã hội, Trường Đại học Hòa Bình

\* Tác giả liên hệ: [dunghvkv1@gmail.com](mailto:dunghvkv1@gmail.com)

Ngày nhận: 28/7/2021

Ngày nhận bản sửa: 20/8/2021

Ngày duyệt đăng: 08/9/2021

## Tóm tắt

Bài viết đưa ra và luận giải những nội dung căn bản trong chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin. Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin là chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường. Chính sách này có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế ở nước Nga Xô viết đầu những năm 20 của thế kỷ XX, mà còn đối với công cuộc phát triển kinh tế ở Việt Nam trong những năm đổi mới. Tác giả đã khẳng định rằng, chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra là sự vận dụng sáng tạo chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin, chính sách đó là đúng đắn và cần thiết để đảm bảo thích ứng của quan hệ sản xuất với trình độ hiện có của lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, đưa nền kinh tế nước ta từng bước tiến lên.

**Từ khóa:** Chính sách kinh tế mới, nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường, phát triển lực lượng sản xuất, Đảng Cộng sản Việt Nam

## Lenin's new economic policy and creative application of the Communist Party of Vietnam

### Abstract

In this article the concepts and principle contents in Lenin's new economic policy (NEP) is presented and explained. The NEP was designed to develop a multi-sector commodity economy according to the market mechanism and to bring capital to state and to help it prosper economically. The NEP has great significance not only for the economic recovery and development in Soviet Russia in the early 20s of the twentieth century, but also for the economic development in Vietnam in the innovation. It is affirmed that by the policy carrying out by Communist Party of Vietnam, the developing a market economy oriented to socialist is a creative application of the NEP in Vietnam situation. In practically necessary and sufficient conditions to establish and develop the productive forces in the new production relations have been founded and innovating for developing Vietnam economics in step by step.

**Keywords:** New economic policy, multi-sector economy, market economy, development of productive forces, Communist Party of Vietnam

## 1. Đặt vấn đề

Chính sách kinh tế mới (NEP) [Новая экономическая политика (НЭП)] của V.I.Lênin ra đời năm 1921 như một cảm nang thần kỳ làm cho nước Nga thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” với “nguy cơ diệt vong”, là đường lối chiến lược và sách lược để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Đến nay, vừa tròn 100 năm (1921-2021) đã trôi qua, nhưng những lý luận, nhất là lý luận về biện chứng giữa lực

lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa kinh tế và chính trị của NEP vẫn có ý nghĩa lý luận sâu sắc và tính thời sự to lớn.

## 2. Kết quả

### 2.1. Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin

Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, nước Nga Xô viết đã phải trải qua một chặng đường phát triển đầy mâu thuẫn và phức tạp. Tháng 2 năm 1921, V.I.Lênin đã xác định nhiệm vụ cho nước Nga Xô viết như sau: “Trong một số vấn

đề kinh tế, chúng ta cần rút lui về những vị trí của chủ nghĩa tư bản nhà nước” [4, tr. 254]. “Chủ nghĩa tư bản nhà nước” mà V.I.Lênin nói tới ở đây là chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. NEP được xem là khâu chính của thời kỳ quá độ cũng là đối sách của V.I.Lênin do hoàn cảnh khách quan trong nước những năm 1920-1921 tạo ra. Vì vậy, để hiểu rõ thực chất NEP của V.I.Lênin, trước tiên cần phải xem xét tình trạng của nước Nga Xô viết thời kỳ sau nội chiến (1920).

Tình trạng kinh tế của nước Nga Xô viết sau nội chiến vô cùng tồi tệ: Hậu quả của nội chiến đạt tới mức độ không lồ, tình trạng phân tán và tản mạn của những người tiểu sản xuất, sự nghèo đói, vô văn hoá và mù chữ của họ, mối liên hệ trao đổi hàng hóa giữa thành thị và nông thôn bị ngừng trệ. Nội chiến những năm 1918-1920 làm khánh kiệt đất nước, cản trở công việc tái thiết lực lượng sản xuất vốn đã bị tàn phá nặng nề. Thêm vào đó là nạn mất mùa năm 1920, nạn dịch súc vật; vì vậy, tăng thêm những vùng bị đói, việc đó lại càng cản trở việc khôi phục giao thông và công nghiệp.

Theo đà ngày càng suy thoái của tình trạng kinh tế đất nước, tình thế chính trị cũng tiếp tục trầm trọng hơn. Khá phổ biến là sự dao động về chính trị của người tiểu sản xuất. Cuộc nổi loạn ở Crônstát và cuộc khởi nghĩa của nông dân ở vùng Tambóp đã thể hiện một cách đặc trưng cho sự dao động của tầng lớp tiểu tư sản và tính tự phát của nông dân nói chung. Những sự kiện diễn ra vào mùa xuân năm 1921 chứng tỏ Đảng xã hội chủ nghĩa cách mạng và những người mensêvích muốn thực hiện “chuyển giao chính quyền” cho những phần tử tư bản chủ nghĩa. Nguyên nhân làm nảy sinh tình trạng này đã được V.I.Lênin chỉ rõ rằng, đó là do “chúng tôi đã tiến quá xa trong cuộc tấn công về mặt kinh tế... Chúng tôi chưa đủ sức để chuyển trực tiếp sang những hình thức thuần túy xã hội chủ nghĩa, sang việc phân phối thuần túy xã hội chủ nghĩa; và nếu chúng tôi lại tỏ ra không có khả năng

lùi bước, để chỉ đóng khung trong những nhiệm vụ dễ hơn mà thôi, thì có lẽ chúng tôi đã bị nguy cơ diệt vong rồi” [5, tr. 328].

Ở đây, V.I.Lênin muốn nói rằng, nếu như chính sách “chủ nghĩa cộng sản thời chiến” trước đây được rất nhiều người trong Đảng hiểu như là một chính sách cần phải được tiếp tục trong chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì thực tế đã cho thấy, sau chiến tranh, không thể tiếp tục con đường đó, bởi nó đối lập Đảng với quần chúng nhân dân, công nhân với nông dân và chỉ làm trầm trọng thêm nền kinh tế vốn đã hoang tàn của đất nước.

Tháng 2 năm 1921, tại Hội nghị lần thứ XI, Đảng Cộng sản (b) Nga đã nhất trí thông qua chính sách kinh tế mới. Đảng đã quyết định áp dụng ở nước Nga Xô viết những biện pháp khẩn cấp, kiên quyết nhằm cải thiện tình cảnh của nông dân và phát triển lực lượng sản xuất ở nông thôn.

Qua nhiều bài viết và nói của V.I.Lênin, chúng ta thấy rõ lúc đó ông đã thay đổi quan điểm của mình về các thành phần kinh tế trong nước và sự tác động qua lại lẫn nhau của chúng, về vai trò của giai cấp tư sản mới, và nhất là về vai trò của hợp tác xã và quan hệ thị trường. Cần nhấn mạnh rằng, những quan điểm đó còn tiếp tục thay đổi trong những tác phẩm cuối cùng của V.I.Lênin. Đối với V.I.Lênin, việc thay đổi đó là hoàn toàn tự nhiên. V.I.Lênin luôn vận dụng phương pháp của phép biện chứng duy vật để giải quyết những mâu thuẫn mới nảy sinh và phát triển. V.I.Lênin chỉ rõ rằng, khi tình hình đã thay đổi thì không thể áp dụng những phương pháp cũ. Rằng, chúng ta không tránh khỏi sai lầm khi vẫn duy trì tình trạng cả xã hội chỉ là một văn phòng và một nhà máy cùng lao động như nhau, hưởng cùng một mức lương. Vì vậy, sau nội chiến, V.I.Lênin đã kịp thời thay đổi chủ trương, chuyển từ chính sách “chủ nghĩa cộng sản thời chiến” sang chính sách kinh tế mới.

V.I.Lênin đã rút ra kết luận là: Trong điều kiện thực tế của nước Nga, giai cấp vô sản đã giảm nhiều sau hai cuộc chiến tranh

lại vừa mới giành chính quyền về tay, họ không có kinh nghiệm quản lý và do vậy, không có khả năng khẳng định sở hữu xã hội đối với tất cả các tư liệu sản xuất của xã hội. Để phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện mới hình thành, cần phải kiên quyết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần. Điều đó có nghĩa là, ngoài thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa mới chỉ phôi thai và về nguyên tắc, được công nhận là có vai trò chủ đạo, cần phải cho phép tồn tại các thành phần kinh tế khác và hơn nữa cần phải phát triển ở mức độ nhất định một số thành phần kinh tế khác. Trong khi vận dụng chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin đã dùng từ “quá độ” để chỉ rõ trong nền kinh tế của nước Nga khi đó “có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội” [3, tr. 248].

Nền kinh tế nhiều thành phần là nét đặc trưng của thời kỳ quá độ. Đầu thế kỷ XX, ở nước Nga khi đó có những thành phần kinh tế sau đây:

1. Kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên;
2. Sản xuất hàng hoá nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mỳ);
3. Chủ nghĩa tư bản tư nhân;
4. Chủ nghĩa tư bản nhà nước;
5. Chủ nghĩa xã hội” [3, tr. 248].

Ở đây, xuất hiện vấn đề là, thành phần kinh tế nào trong những thành phần kinh tế ấy có thể chấp nhận được đối với chủ nghĩa xã hội tương lai, các thành phần kinh tế tác động qua lại theo hướng nào trong mối quan hệ tương hỗ ấy?

NEP của V.I.Lênin cho phép sử dụng ở từng khâu sản xuất và lưu thông những phương thức kinh tế đa dạng và đang từ từ biến đổi với quy mô lớn; có chú ý tới trình độ trang bị kỹ thuật nhằm phát huy cao độ khả năng của tất cả các thành phần kinh tế khác nhau và từng bước liên kết chúng, trong khi vẫn duy trì và phát huy vai trò chủ đạo của khu vực nhà nước, hướng hoạt động của nền kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa. Quyết định mang ý nghĩa chiến lược này có tác dụng mở ra mọi khả năng phát

triển lực lượng sản xuất và thiết lập một cơ cấu kinh tế hợp lý. Đó chính là phương sách đúng đắn như V.I.Lênin đã chỉ ra: “Để chúng ta có thể làm tròn một cách thắng lợi nhiệm vụ của chúng ta, tức là chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách trung gian cần thiết để chuyển từ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội” [3, tr. 274]. V.I.Lênin chỉ rõ rằng, chính chủ nghĩa tư bản cũng phải bắt đầu bằng cách ấy.

Nhấn mạnh vai trò của chủ nghĩa tư bản như là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất, V.I.Lênin đã kiên trì giải thích rằng, nước Nga chưa đủ sức để chuyển trực tiếp từ tiểu sản xuất sang chủ nghĩa xã hội, và trong điều kiện như vậy, lợi dụng chủ nghĩa tư bản ở một mức độ nhất định là không tránh khỏi, giống như sản phẩm tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi hàng hoá; nhưng nhiệm vụ trực tiếp là: “Chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng cường lực lượng sản xuất lên” [3, tr. 276].

Dương nhiên, chủ nghĩa tư bản nhà nước đúng với nghĩa của nó không phải là giải pháp trực tiếp đưa nền sản xuất nông nghiệp sang nền nếp xã hội chủ nghĩa.

Song, theo V.I.Lênin, ở giai đoạn phát triển này của nền kinh tế nước Nga, chủ nghĩa tư bản có thể là chủ nghĩa tư bản đặc biệt, bởi nó tồn tại và chịu sự quản lý, điều tiết của chính quyền Xô viết. Vì vậy, cho dù giữa hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa còn có sự cạnh tranh; song, đó chính là động lực của sự phát triển lực lượng sản xuất. V.I.Lênin nhận xét rằng, chủ nghĩa tư bản nhà nước còn đóng vai trò hỗ trợ cho chủ nghĩa xã hội và chính quyền Xô viết có được lợi ích trước mắt dưới dạng phát triển lực lượng sản xuất và tăng khối lượng sản phẩm cho những nhu cầu thiết yếu trong một thời gian ngắn. Đây là lý do

cất nghĩa vì sao cần sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như một phương tiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để phát triển nhanh lực lượng sản xuất ở nước Nga Xô viết trong những năm 20 của thế kỷ XX, cần thiết phải sử dụng không những chủ nghĩa tư bản trong nước, mà cả chủ nghĩa tư bản ở nước ngoài nữa, khi cần phải học tập kinh nghiệm của phương Tây, và nói chung, cả kinh nghiệm của những nước phát triển. V.I.Lênin chỉ rõ: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các torót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ = tổng số = chủ nghĩa xã hội” [1, tr. 684].

Liên quan tới vấn đề này, V.I.Lênin còn thẳng thắn phê phán những đảng viên chỉ muốn mơ ước về “sự trong sạch” của chủ nghĩa cộng sản, sinh thảo ra những dự án, quy chế và quy tắc khác nhau nhưng lại không thúc đẩy được công việc thực tế tiến lên.

Như vậy, có thể nói, khi vạch ra kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã coi thành phần kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước là điều kiện cần thiết để chuyển sang chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông như nước Nga. V.I.Lênin đã chỉ rõ vai trò đặc biệt và vị trí cần thiết của thành phần kinh tế này đối với nền kinh tế nước Nga: “Chủ nghĩa tư bản nhà nước về kinh tế cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta... Chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền Xô viết, vì nước Xô viết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm” [3, tr. 252]. Không chỉ thế, V.I.Lênin còn nhấn mạnh rằng, “đối với thứ chủ nghĩa tư bản mà chúng ta đã cho phép tồn tại, thì cần phải để cho nó tồn tại. Nếu chủ nghĩa tư bản đó là quái đản và không tốt, thì chúng ta có thể uốn nắn nó, vì chính quyền nằm trong tay chúng ta, và chúng ta chẳng có gì mà sợ cả. Tất cả mọi người đều thừa nhận điều đó, và sẽ là lỗi bịch nếu lẫn lộn điều đó với việc gieo rắc tâm trạng hoang mang.

Nếu chúng ta sợ thừa nhận điều đó, thì chắc chắn chúng ta sẽ tiêu vong. Nhưng chúng ta sẽ học tập điều đó, chúng ta sẽ có quyết tâm học tập điều đó; đây là điều đã được chứng minh trong ba, bốn, và năm năm nay là những năm mà chúng ta đã học tập được những điều còn phức tạp hơn trong một thời gian ngắn hơn” [2, tr. 141-142].

V.I.Lênin cho rằng, chúng ta có thể học tập chủ nghĩa tư bản nhà nước của người Đức, dốc hết sức ra bắt chước nó và không ngại dùng biện pháp độc tài để đẩy nhanh nước Nga cổ đã man bắt chước con đường phát triển của Tây Âu đó và không ngần ngại dùng những thủ đoạn dã man để đấu tranh với tình trạng dã man.

NEP còn có ý nghĩa to lớn đối với nông thôn, nông dân. Mặc dù thực chất của vấn đề là ở sự điều chỉnh mối quan hệ trao đổi giữa thành phố (công nghiệp) và nông thôn (nông nghiệp); song, đó chính là sự sống còn của nông thôn và người nông dân. Không phải vô cớ mà V.I.Lênin đánh giá rất cao vai trò của chính sách thuế lương thực và cơ chế thị trường. Trên thực tế, thực hiện chính sách thuế lương thực không chỉ là sự thay thế việc trưng thu lương thực thừa, mà còn có nghĩa là tự do buôn bán lúa mì thừa và các sản phẩm khác sau khi đã nộp thuế. Đây là một chính sách thông minh và hợp lý. Bởi lẽ, *thứ nhất*, nó củng cố khối liên minh công nông với tư cách nền tảng giai cấp của chủ nghĩa xã hội tương lai; *thứ hai*, tạo ra sự phát triển thương mại tự do, chủ động và góp phần khôi phục toàn bộ nền kinh tế thông qua việc hồi sinh các quan hệ tư bản tư nhân. Theo V.I.Lênin, tự do thương mại chính là đòn bẩy phát triển lực lượng sản xuất của nền kinh tế nông nghiệp và tiểu công nghiệp, cũng như mở rộng cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa quan liêu trong kinh tế. V.I.Lênin viết: “Cơ sở kinh tế” của sự tiêu vong của chủ nghĩa quan liêu, của sự tiêu vong các tầng lớp trên và tầng lớp dưới, của sự tiêu vong sự bất bình đẳng...” là ở “việc trao đổi hàng hoá với nông dân” [3, tr. 462]. Rằng, “kinh tế nông dân, với tư cách là một nền kinh tế tiểu nông, không

thể đứng vững được, nếu không có một sự tự do trao đổi nào đó, và không có những quan hệ tư bản chủ nghĩa gắn liền với tự do trao đổi đó” [3, tr. 376]. Do vậy, theo V.I.Lênin, với nước Nga khi đó, thương nghiệp là “phương sách nghiêm” đời sống kinh tế nhà nước, là “mối ghép” duy nhất, là cái có thể liên minh đội ngũ tiên tiến của giai cấp vô sản với nông dân để từ đó, mới có thể có sự phát triển kinh tế.

Nhờ có NEP và quá trình sản xuất nên chỉ trong vòng một năm rưỡi, nhân dân Liên Xô đã đạt được những kết quả rực rỡ, có ý nghĩa quyết định trong kinh tế; tình cảnh của nông dân và đa số những người tiểu sản xuất đã được cải thiện; trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ đã có sự tiến triển, không còn cảnh công nhân bất bình; trong lĩnh vực công nghiệp nặng đã bắt đầu tích lũy được vốn cần thiết để vực nền công nghiệp nặng đi lên.

Thế nhưng, không phải tất cả những người bôn-sê-vích đều ủng hộ chính sách kinh tế mới, trong dư luận xã hội, vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Vì vậy, điều quan trọng là phải hiểu đúng thực chất của chính sách kinh tế mới. Bởi lẽ, một số người cho rằng, NEP chỉ là biện pháp nhất thời; số người khác lại coi đó chỉ là thời kỳ khôi phục kinh tế đất nước sau nội chiến; số thứ ba thì nhìn nhận đó là tổn thất của cách mạng, là sự chệch hướng sang tư bản chủ nghĩa. Chỉ có một số người hiểu đúng rằng, NEP là một trong những hình thức, phương thức hợp lý nhất để chuyển từ “chế độ cộng sản thời chiến” sang chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta không thể tán thành quan điểm cho rằng, dường như NEP là mô hình “mới” của chủ nghĩa xã hội do V.I.Lênin nghĩ ra lúc cuối đời. NEP không phải là mô hình mới của chủ nghĩa xã hội, mà chỉ là hướng mới trong việc xây dựng nền móng của chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực kinh tế, thông qua việc lợi dụng nền kinh tế nhiều thành phần để tránh chủ nghĩa giáo điều trong việc quản lý kinh tế của nhà nước. Cơ chế kinh tế của NEP theo quan niệm của V.I.Lênin, về cơ bản, vẫn là cơ chế đặc

trung không phải cho chủ nghĩa xã hội, mà là cho thời kỳ quá độ xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Với V.I.Lênin, NEP là sự kết hợp nhiều hình thức sở hữu khác nhau và do vậy, trong nó có sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các quan hệ sản xuất khác nhau. Đường lối phát triển này là sự củng cố từ từ nhằm tăng cường phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp và nông nghiệp để nó đủ khả năng phục hồi kinh tế đất nước và sau đó, phát triển nhanh lực lượng sản xuất ở nước Nga Xô viết. Rất tiếc rằng, mấy năm sau khi V.I.Lênin qua đời, NEP đã sớm bị dừng lại, không được tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

## **2.2. Sự vận dụng NEP của V.I.Lênin ở Việt Nam của Đảng ta**

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức và vận dụng sáng tạo chính NEP của V.I.Lênin vào điều kiện lịch sử - cụ thể của Việt Nam.

Từ Đại hội VI (năm 1986), Đảng ta đã thừa nhận nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là đặc trưng của cơ cấu kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và đưa ra chủ trương mới về “xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” [6, tr. 41] bằng việc chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế nhiều thành phần. Nếu thời kỳ trước đổi mới, ở nước ta chỉ có một thành phần kinh tế là “thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể” [6, tr. 41], thì giờ đây, phải “bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa” [6, tr. 41]. Đảng ta khẳng định: “Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của

V.I.Lênin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Ở nước ta, các thành phần đó là: Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó. Các thành phần kinh tế khác gồm: *kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá* (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; *kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc* trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác” [6, tr. 56].

Rõ ràng đây là lúc thực tiễn đặt ra cho chúng ta cần phải nhận thức đúng đặc điểm của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ như V.I.Lênin đã chỉ ra là có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện đó, không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ bằng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; nghĩa là khi đề ra đường lối kinh tế phải tính tới tất cả các thành phần kinh tế hợp thành nền kinh tế quốc dân, không được bỏ sót một thành phần kinh tế nào. Chỉ có như vậy, chúng ta mới khai thác được mọi tiềm năng của sản xuất, khai thác được sức mạnh của toàn dân trong tất cả các thành phần kinh tế, mới thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Đại hội VI khẳng định: “Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh. Xoá bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau... Đó là chính sách nhất quán đối với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào” [6, tr. 60].

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền

kinh tế nhiều thành phần đã được nêu ra tại Đại hội VI của Đảng, từ Đại hội VII đến nay, “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [7, tr. 86]. Tại Đại hội XIII, Đảng đã chỉ rõ: “1. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” rằng, “Nền kinh tế bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”... có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển”... [8, tr. 128-129].

“Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Kinh tế tập thể, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình

thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu” [8, tr. 129-130].

Thực chất của NEP là khuyến khích và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển từ khu vực tư nhân, bao gồm của đầu tư nước ngoài. Riêng trong giai đoạn 2016-2020, “Huy động nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng lên, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh, đạt mức kỷ lục và hiệu quả sử dụng dần được nâng cao: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 9,2 triệu tỉ đồng, bằng 33,7% GDP (mục tiêu 32-34%). Cơ cấu đầu tư chuyển dịch tích cực, tỉ trọng đầu tư của khu vực nhà nước giảm, phù hợp với định hướng cơ cấu lại đầu tư công và giảm dần sở hữu Nhà nước tại các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, nhất là các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối (Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước giảm từ mức 38% năm 2015 xuống còn 33,7% năm 2020). Tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh từ mức 38,3% năm 2015 lên 44,9% năm 2020. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh (Tính chung cả giai đoạn 2016-2020, tổng vốn FDI đăng ký đạt 167,8 tỉ USD, vốn thực hiện đạt 92,8 tỉ USD (giai đoạn 2011-

2015, tổng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 100,3 tỉ USD, vốn thực hiện đạt gần 60 tỉ USD), vốn đăng ký đạt mức kỷ lục là 39 tỉ USD (năm 2019). Hiệu quả đầu tư cải thiện, hệ số ICOR giai đoạn 2016-2019 đạt 6,1 (thấp hơn giai đoạn 2011-2015 là 6,3)” [9, tr. 13-14]. “Năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD” [8, tr. 61]. Từ những kết quả kinh tế - xã hội trên đây, có thể khẳng định rằng, quan điểm của Đảng ta về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước chính là sự tiếp tục cuộc cách mạng trên lĩnh vực quan hệ sản xuất trong điều kiện mới, đảm bảo thích ứng của quan hệ sản xuất với trình độ hiện có của lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Điều đó chứng tỏ Đảng ta đã nhận thức và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong thời kỳ đổi mới.

### 3. Kết luận

Sau 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định rằng: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [8, tr. 25]. Điều đó đã và đang khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra trên tinh thần vận dụng sáng tạo NEP của V.I.Lênin là đúng đắn và cần thiết để đưa nền kinh tế nước ta từng bước tiến lên, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tập 36.
- [2]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tập 41.
- [3]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tập 43.
- [4]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tập 44.
- [5]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tập 45.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
- [10]. PGS, TS. Giảng viên cao cấp Vũ Trọng Dung, Học viện *Chính trị - Hành chính khu vực I*, Học viện *Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*, *Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin với chính sách phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta*, Tạp chí Triết học, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Số 3 (238), năm 2011.